

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN**

Số: 81/MTĐT

V/v Công bố Báo cáo thường niên năm 2017.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phan Thiết, ngày 20 tháng 04 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDKC HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ
BÌNH THUẬN**

**Tên viết tắt: BINH THUAN ENVIRONMENTAL URBAN SERVICE JOINT
STOCK COMPANY**

Mã chứng khoán: BMD

**Địa chỉ trụ sở chính: 578 Trần Hưng Đạo, phường Đức Long, Tp. Phan Thiết, tỉnh
Bình Thuận.**

Điện thoại: 0252 3819572, 0252 3818361

Fax: 0252 3819572

Website: moitruongdothibinhthuan.vn

Người CBTT: Trần Mạnh

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h Bất thường Theo yêu cầu Khác

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2017.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán nhà nước vào ngày 20/04/2018 tại đường dẫn: congbothongtin.ssc.gov.vn, Trang thông tin điện của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận vào ngày 20/04/2018 tại đường dẫn: <http://moitruongdothibinhthuan.vn/index.php/c-dong> và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 20/04/2018 gửi bằng đường bưu điện.

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

**Người Thực hiện Công bố thông tin
Chủ tịch Hội đồng quản trị**


Trần Mạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN

**Địa chỉ: Số 578 Trần Hưng Đạo, Phường Đức Long, TP. Phan Thiết,
tỉnh Bình Thuận**

Số điện thoại: 02523. 819 572

Số fax: 02523. 819 572





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2017

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

01

TÌNH HÌNH TRONG NĂM

11

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

23



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

35

TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

39

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

46

Thông tin
chung





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN

Tên Tiếng Anh: BINH THUAN ENVIRONMENTAL URBAN SERVICE
JOINT STOCK COMPANY

Mã cổ phiếu: BMD

Vốn điều lệ: 27.532.800.000 đồng

Vốn chủ sở hữu: 29.113.782.983 đồng

Trụ sở chính: Số 578 Trần Hưng Đạo, P. Đức Long, TP. Phan Thiết, tỉnh
Bình Thuận

Điện thoại: 02523.819572

Fax: 02523.819572

Email: moitruongdothibinhthuan@gmail.com

Website: www.moitruongdothibinhthuan.vn

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 3400861721 do Sở Kế
hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 29/04/2010, đăng
ký thay đổi lần 1 ngày 29/04/2016



1985

Công ty Quản lý Công trình Công cộng được thành lập vào tháng 6/1985 thực hiện các dịch vụ vệ sinh môi trường, duy tu sửa chữa điện chiếu sáng, chăm sóc vườn hoa công viên cây xanh, duy trì hệ thống thoát nước và thực hiện các dịch vụ sản xuất kinh doanh là đơn vị hạch toán độc lập.

1993

Mặc dù các điều kiện về lao động, tài sản, giá trị sản lượng, quy mô hoạt động lớn nhưng trực thuộc thị xã Phan Thiết quản lý nên Công ty không được xác định là Doanh nghiệp Nhà nước (theo Nghị định 388/HĐBT). Do vậy, Công ty được đổi tên và chuyển thành “Ban Quản lý Công trình Công cộng”, là đơn vị hành chính sự nghiệp, hoạt động theo phương thức “thực thanh thực chi”.

1995

Tháng 01/1995, với tốc độ đô thị hóa phát triển nhanh, các công trình phúc lợi, hạ tầng đô thị được Tỉnh và Thị xã đầu tư; các hoạt động dịch vụ mang tính đặc thù của đơn vị gắn với sự phát triển của thành phố vì vậy mô hình đơn vị hành chính không còn phù hợp, UBND Tỉnh đã có quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 17/01/1995 chuyển Ban Quản lý Công trình Công cộng thành “Công ty Công trình Đô thị Phan Thiết”, xác định là đơn vị sự nghiệp kinh tế, có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập thuộc UBND thị xã Phan Thiết quản lý, trụ sở tại số 578 đường Trần Hưng Đạo - Phan Thiết.

2010

Ngày 01/02/2010, UBND Tỉnh có quyết định số 295/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Thuận thành lập Công ty TNHH một thành viên Công trình Đô thị Phan Thiết trên cơ sở vốn, tài sản, lao động của Công ty Công trình Đô thị Phan Thiết.

2012

Ngày 27/11/2012, UBND tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 2377/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Phan Thiết và Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Bình Thuận.

2015

Ngày 12/06/2015, UBND tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 1491/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Phan Thiết.

Công ty tổ chức bán đấu giá ra công chúng lần đầu ngày 04/11/2015 tại trụ sở Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết. Số lượng cổ phần bán đấu giá thành công: 470.422 cổ phần. Giá bán thành công bình quân: 10.003 đồng/cổ phần.

2016

Ngày 29/04/2016, Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400861721 thay đổi lần thứ nhất.

Ngày 26/09/2016, Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký Công ty đại chúng.

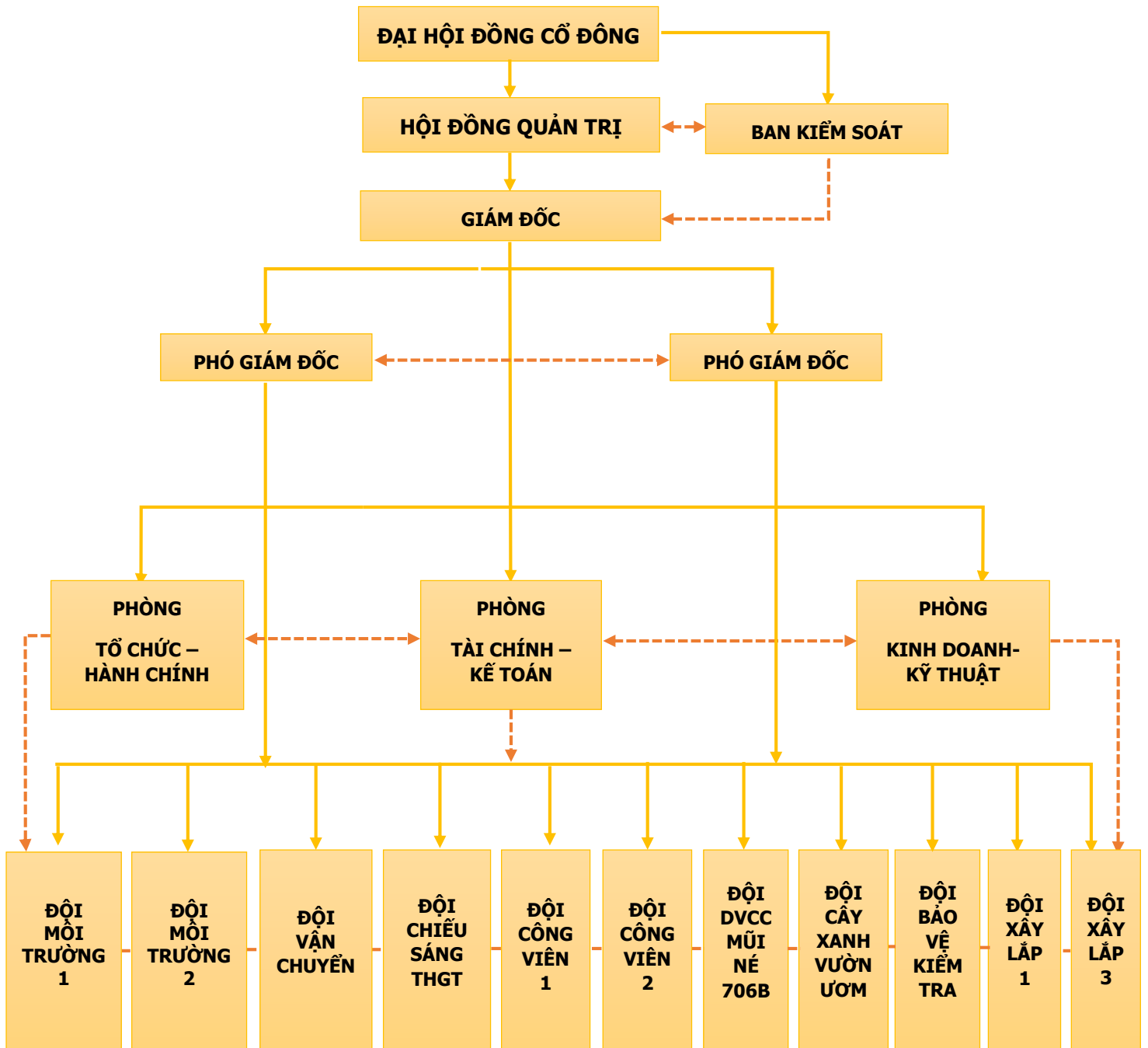


Mã	Ngành nghề chi tiết
0118	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh (Trồng hoa, cây cảnh, chăm sóc công viên và cây xanh công cộng)
0210	Trồng rừng và chăm sóc rừng (Ươm giống cây lâm nghiệp)
0129	Trồng cây lâu năm khác
3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị
3314	Sửa chữa thiết bị điện
3700	Thoát nước và xử lý nước thải
3811	Thu gom rác thải không độc hại
3812	Thu gom rác thải độc hại
3821	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại
3822	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại
3830	Tái chế phế liệu
3900 (Chính)	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
4100	Xây dựng nhà các loại
4210	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
4220	Xây dựng công trình công ích
4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp)
4311	Phá dỡ
4312	Chuẩn bị mặt bằng

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty hoạt động chủ yếu các khu dân cư, khu công nghiệp tại thành phố Phan Thiết. Địa phương cũng là một nơi đang có sự phát triển về công nghiệp hóa, đặc biệt là trung tâm du lịch của cả nước, nhu cầu bảo vệ giữ gìn vệ sinh môi trường của người dân và doanh nghiệp sản xuất là rất lớn. Đây là tiền đề cho sự phát triển của Công ty

4321	Lắp đặt hệ thống điện (thì công lắp đặt hệ thống điện trung - hạ thế, trạm biến áp, điện chiếu sáng, tín hiệu giao thông)
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng (trang trí nội, ngoại thất công trình)
4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
7710	Cho thuê xe có động cơ
8129	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác
8130	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan
9321	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
8121	Vệ sinh chung nhà cửa
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng
7020	Hoạt động tư vấn quản lý
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan



Công ty con, công ty liên kết: Không có.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Thành phố Phan Thiết đang phát triển kinh tế, xã hội rất mạnh mẽ, đây là một lợi thế của công ty do địa bàn hoạt động chính là tại Phan Thiết và chiếm thị phần chủ yếu tại đây. Các chiến lược phát triển chủ yếu như sau:

Đẩy mạnh cung cấp toàn bộ Dịch vụ công ích cho thành phố Phan Thiết, cả tỉnh Bình Thuận có khả năng vươn ra một số địa phương lân cận

Tăng cường đầu tư vào việc cung cấp dịch vụ công ích trên lĩnh vực xử lý chất thải công nghiệp, trong đó tập trung tại các khu công nghiệp đang có chiều hướng mở rộng tại tỉnh Bình Thuận.

Mở rộng hoạt động trên lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng dân dụng, công nghiệp

Ngoài ra, việc thực hiện cải tiến công tác quản lý để phù hợp theo mô hình mới Công ty cổ phần nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh của Công ty cũng rất được chú trọng.

Song song với cải tiến công tác quản lý, Công ty cũng sẽ ra sức tập trung đầu tư phát triển nguồn nhân lực, tăng cường công tác kiểm tra nội bộ và công tác cán bộ, xây dựng một đội ngũ cán bộ có tính chuyên nghiệp cao trong các lĩnh vực hoạt động, sử dụng và phát huy có hiệu quả nguồn lực tài chính và con người.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Do thời điểm xây dựng Phương án cổ phần hóa vào Quý III năm 2015 nên hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 không xây dựng trong phương án 3 năm sau cổ phần hóa.

- Năm thứ 1 (2016): doanh thu dịch vụ công ích giảm do dịch vụ thoát nước đô thị chuyển qua Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận. Do một số định mức khoán đi vào hoạt động, chi phí tiết kiệm Công ty xây dựng lợi nhuận trước thuế năm 2016 khoảng 10% trên vốn điều lệ; lợi nhuận sau thuế 2.203 triệu đồng sau khi trích lập các Quỹ, lợi nhuận còn lại chia cổ tức là 6% trên vốn điều lệ.
- Năm thứ 2 (2017): Công ty tiết kiệm một số khoản chi phí để xác định lợi nhuận trước thuế năm 2017 khoảng 10,50% trên vốn điều lệ; lợi nhuận sau thuế 2.313 triệu đồng sau khi trích lập các Quỹ, lợi nhuận còn lại chia cổ tức là 6,30% trên vốn điều lệ.
- Năm thứ 3 (2018): Công ty tiết kiệm một số khoản chi phí để xác định lợi nhuận trước thuế năm 2018 khoảng 11% trên vốn điều lệ; lợi nhuận sau thuế 2.313 triệu đồng sau khi trích lập các Quỹ, lợi nhuận còn lại chia cổ tức là 6,60% trên vốn điều lệ.



CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG CỦA CÔNG TY

Mục tiêu đối với môi trường:

Do công ty hoạt động chủ yếu trên lĩnh vực dịch vụ công ích nên mục tiêu đối với môi trường là vô cùng quan trọng. Công ty luôn lấy sứ mệnh vì một môi trường xanh sạch đẹp, góp phần phát triển đất nước một cách bền vững là mục tiêu hàng đầu. Luôn đổi mới công nghệ trong thi công, xử lý rác thải, xử lý chất độc hại...nhằm giảm tác động tiêu cực của quá trình đô thị hóa đến môi trường một cách tối đa nhất.

Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng: Công ty luôn đảm bảo người dân và cộng đồng sẽ thoải mái nhất với các dịch vụ công ích của công ty. Tạo ra cho xã hội và cộng đồng một môi trường thân thiện, thoáng mát và sạch sẽ.



CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Rủi ro pháp luật

Hiện nay các chính sách hỗ trợ ngành môi trường tập trung chủ yếu ưu đãi các công ty xử lý chất thải như miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (Nghị định 218/2013/NĐ-CP), hỗ trợ vốn đầu tư (Nghị định 04/2009/NĐ – CP) hay miễn giảm thuế đất (Nghị định 59/2014/NĐ – CP). Đối với các doanh nghiệp thu gom rác thải thì không được hưởng lợi từ những chính sách này. Những chính sách của Nhà nước thường xuyên được bổ sung và hoàn chỉnh sẽ ảnh hưởng nhiều đến chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

Rủi ro cạnh tranh

Lĩnh vực hoạt động của Công ty cũng gặp nhiều khó khăn khi xuất hiện một số Công ty hoạt động cùng ngành. Lĩnh vực cung cấp Dịch vụ công ích không còn là độc quyền đối với Công ty. Công ty sẽ phải làm quen với việc đối mặt với áp lực cạnh tranh từ các doanh nghiệp khác. Đặc biệt là cạnh tranh trong việc cung cấp Dịch vụ chăm sóc cây xanh công viên.

Rủi ro kinh tế

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô nói trên của nền kinh tế.

Nền kinh tế mở cửa tạo điều kiện cho các doanh nghiệp cùng ngành trong nước và nước ngoài hoạt động mạnh mẽ hơn, gây nên sức cạnh tranh rất lớn. Vì vậy về dài hạn, nếu Công ty không có những chính sách đổi mới kịp thời, hoạt động kinh doanh sẽ gặp phải nhiều rủi ro.



Rủi ro đặc thù ngành

Hiện tại ngành công nghiệp môi trường Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế ảnh hưởng trực tiếp tới từng doanh nghiệp trong ngành:

- Chưa hình thành cơ quan đầu mối phát triển công nghiệp môi trường, thị trường cho công nghệ và dịch vụ môi trường chưa phát triển.
- Đội ngũ các nhà khoa học và công nghệ môi trường còn yếu và thiếu, đặc biệt là chuyên gia có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm.
- Uy tín của các nhà cung cấp công nghệ, thiết bị và dịch vụ trong nước chưa đủ thuyết phục.
- Cơ chế, chính sách khuyến khích còn chưa rõ ràng và chưa đủ hấp dẫn để thu hút đầu tư và phát triển công nghiệp môi trường.
- Nhận thức của người dân và doanh nghiệp về trách nhiệm bảo vệ môi trường chưa cao
- Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường còn chưa đầy đủ, chưa đồng bộ, chế tài xử phạt chưa đủ mạnh...

Rủi ro giá nguyên vật liệu

Giá cả nguyên vật liệu không ổn định, sự biến động thị trường đẩy chi phí đầu vào tăng cao, nhất là giá xăng dầu. Việc giá xăng dầu có xu hướng tăng trong thời gian vừa qua kéo theo chi phí đầu vào của Công ty tăng cao trong khi định mức, đơn giá... dịch vụ công ích do Tỉnh ban hành bị cắt giảm nên ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.

Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty.

Tình hình
hoạt động
trong năm





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



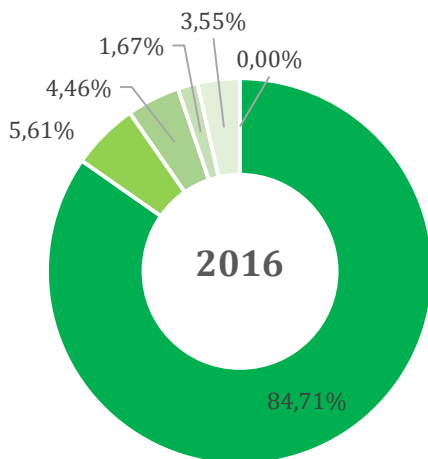
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

ĐVT: Triệu đồng

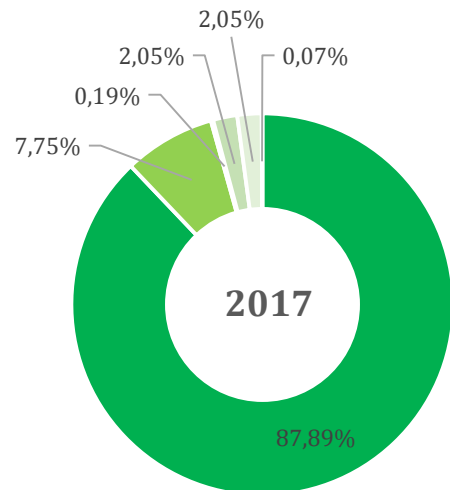
STT	Chỉ tiêu	Năm 2016(*)	Năm 2017	% tăng/ giảm
1	Dịch vụ công ích	62.571	65.042	3,95%
2	Hợp đồng duy tu bảo dưỡng	4.147	5.732	38,24%
3	Xây dựng cơ bản	3.294	144	-95,64%
4	Hoạt động ngoài công ích	1.233	1.514	22,81%
5	Trang trí Tết, lễ hội	2.620	1.519	-42,04%
6	Các khoản doanh thu khác	-	50	-
Tổng cộng		73.865	74.001	0,18%

(*): Số liệu năm 2016 được tổng hợp từ 2 giai đoạn: 01/01/2016 đến 30/04/2016 là Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Phan Thiết và 01/05/2016 đến 31/12/2016 là CTCP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận. Số liệu chỉ mang tính chất so sánh tương đối.

Doanh thu thuần năm 2017 của Công ty tăng 0,18%, mức độ tăng không đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, cơ cấu doanh thu có sự dịch chuyển tương đối. Trong đó, tỷ trọng dịch vụ công ích – mảng hoạt động kinh doanh chính của Công ty, tăng từ 84,71% lên 87,89%. Ngược lại, hoạt động duy tu bảo dưỡng cũng như xây dựng cơ bản tỷ trọng có phần suy giảm.



- Dịch vụ công ích
- Hợp đồng duy tu bảo dưỡng
- Xây dựng cơ bản
- Hoạt động ngoài công ích
- Trang trí Tết, lễ hội
- Các khoản doanh thu khác





DANH SÁCH BAN GIÁM ĐỐC

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Mai Hữu Việt	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	2.500	0,09%
2	Trà Thị Thành	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	53.900	1,96%
3	Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	26.000	0,94%

**Ông MAI HỮU VIỆT**

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Ngày sinh : 26/11/1971**Trình độ chuyên môn** : Đại học Xây dựng cầu đường bộ – Trường Đại học giao thông vận tải**Quá trình công tác**

1989 – 1992	Công nhân Xí nghiệp thủy sản Phan Thiết
1992 – 1993	Đi bộ đội Đoàn 915 – Quân khu 5, chức vụ tiểu đội trưởng
1993 - 1994	Công nhân Xí nghiệp thủy sản Phan Thiết
1994 - 1996	Nhân viên văn phòng thị ủy thị xã Phan Thiết
1996 - 2005	Nhân viên phòng quản lý đô thị Phan Thiết
2005 - 2013	Chuyên viên và Phó chánh văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND Thành phố Phan Thiết
2013 - 2014	Phó trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố Phan Thiết
2014 – 04/2016	Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết
05/2016 - nay	Giám đốc, thành viên HĐQT CTCP Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 470.557 cổ phần, chiếm 17.09% vốn điều lệ. Trong đó, sở hữu cá nhân 2.500 cổ phần, chiếm 0.09% vốn điều lệ; đại diện sở hữu của nhà nước: 468.057 cổ phần, chiếm 17% vốn điều lệ.



BÀ TRÀ THỊ THÀNH

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc

Ngày sinh : 05/11/1974

Trình độ chuyên môn : Đại học Kinh tế lao động – Trường Đại học Kinh tế TP HCM

Quá trình công tác

1999 - 2006	Nhân viên phòng Tổ chức hành chính Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết
2006 - 2010	Phó phòng Tổ chức hành chính Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết
2010 - 11/2014	Trưởng phòng Nhân sự hành chính Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết
11/2014 - 04/2016	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết
05/2016 - nay	Phó Giám đốc, thành viên HĐQT CTCP Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 521.957 cổ phần, chiếm 18.96% vốn điều lệ. Trong đó, sở hữu cá nhân: 53.900 cổ phần, chiếm 1,96% vốn điều lệ; đại diện sở hữu của nhà nước: 468.057 cổ phần, chiếm 17% vốn điều lệ.



BÀ LÊ THỊ THANH THỦY

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm kế toán trưởng

Ngày sinh : 19/02/1970

Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính kế toán doanh nghiệp – Trường đại học Kinh tế TP HCM

Quá trình công tác

1992 - 1995	Nhân viên kế toán tại Công ty Vật tư tổng hợp Phan Rang – Thuận Hải
1995 - 1999	Nhân viên Cục quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp Ninh Thuận
1999 - 2005	Nhân viên phòng Tài chính Doanh nghiệp Sở Tài chính Ninh Thuận
2005 - 2014	Nhân viên phòng Tài chính doanh nghiệp Sở Tài chính Bình Thuận
2014 - 04/2016	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết
5/2016 - nay	Kế toán trưởng, thành viên HĐQT CTCP Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 26.000 cổ phần, chiếm 0.94% vốn điều lệ.

Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ %
A	Theo trình độ		
1	Đại học	32	7,53%
2	Cao đẳng	3	0,71%
3	Trung cấp	18	4,24%
4	CNKT	38	8,94%
5	Khác	334	78,59%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động		
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	64	15,06%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	359	84,47%
3	Hợp đồng theo thời vụ	2	0,47%
C	Theo giới tính		
1	Nam	251	59,06%
2	Nữ	174	40,94%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	5.084.750	6.290.850	6.770.000	6.254.000

Trong năm 2017, thu nhập của người lao động có giảm hơn so với năm 2016, tuy nhiên việc giảm trên là do khoản công nợ dịch vụ công ích 2017 UBND Thành phố Phan Thiết chưa thanh toán cho Công ty nên Công ty không có nguồn để thanh toán Quỹ tiền lương còn lại theo quyết toán được duyệt cho người lao động.





TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Về phát triển nguồn nhân lực

Một trong những mục tiêu được ưu tiên hàng đầu của công ty chính là đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao kiến thức cũng như kỹ năng nghề nghiệp cho nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Việc tuyển dụng được triển khai một cách công bằng theo quy chế, đồng thời phân công công việc phù hợp khả năng trình độ của nhân viên giúp công ty tìm ra những ứng viên có đủ năng lực chuyên môn, đạo đức và trách nhiệm trong công việc.



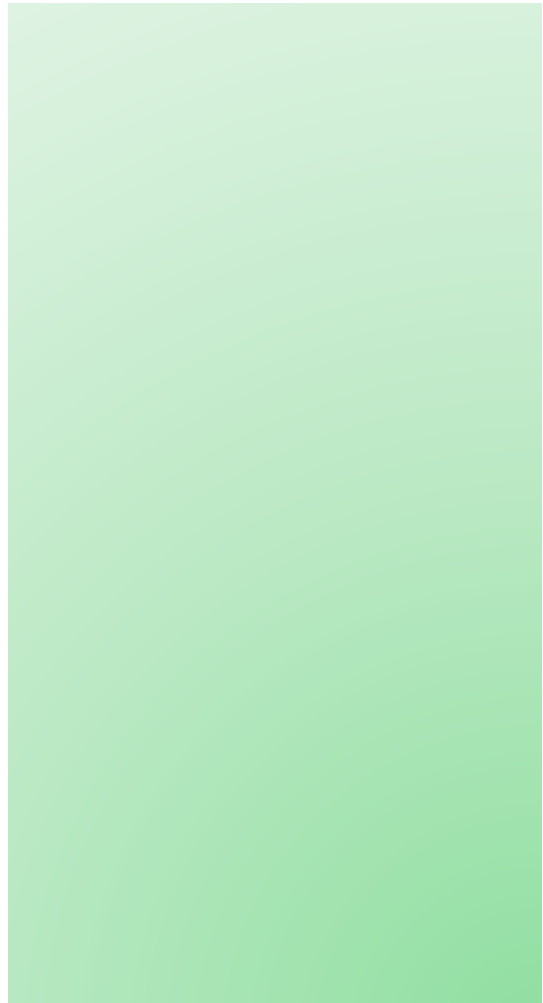
Phương tiện làm việc và môi trường công việc

Công ty trang bị đầy đủ phương tiện và công cụ lao động đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn. Đối với những công việc có yếu tố độc hại và nguy hiểm, các trang thiết bị bảo hộ chuyên dụng đều được cung cấp cho người lao động giúp bảo vệ sức khỏe và đảm bảo an toàn khi làm việc. Các phương tiện vận chuyển được đăng kiểm theo quy định, sửa chữa thường xuyên; đại tu máy móc sửa chữa lớn hàng năm, các loại xe được mua BH đầy đủ đảm bảo an toàn khi lưu thông trên đường.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Tất cả người lao động trong công ty đều được ký hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật. Tiền lương, tiền thưởng thực hiện đúng quy định về Quy chế tiền lương, thưởng do Hội đồng quản trị ban hành, đảm bảo công bằng cho người lao động. Ngoài ra, công ty xây dựng chế độ cho một số bộ phận làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại về bồi dưỡng bằng hiện vật, chế độ ăn giữa ca, cũng như cung cấp dụng cụ bảo hộ, khám sức khỏe định kỳ nhằm bảo vệ sức khỏe cho người lao động.

Công ty không chỉ chăm lo cho cán bộ công nhân viên về mặt vật chất, mà đời sống tinh thần cũng được coi trọng. Hằng năm, Công ty thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên cũng như quyên góp giúp đỡ những cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn... Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức tham quan, nghỉ dưỡng tạo hưng phấn cho người lao động chuyên tâm phục vụ tốt công việc được giao. Vào những dịp lễ đặc biệt, Công ty cũng tạo ra các sân chơi về thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ nhằm nâng cao chất lượng đời sống tinh thần cho người lao động.





1. Năm 2017 là năm đầu tiên Công ty đang thực hiện dự án cây xanh gói thầu số 3 dự án duy tu bảo dưỡng cây xanh đường Võ Nguyên Giáp với tổng giá trị là 16,8 tỷ đồng, thời gian thực hiện hợp đồng trong vòng 03 năm kể từ ngày 06/12/2016 đến ngày 06/12/2019 sẽ kết thúc dự án.
Qua thực hiện gói thầu Công ty được chủ đầu tư đánh giá cao về chất lượng dịch vụ, thể hiện rõ nét qua nghiệm thu chất lượng dịch vụ hàng tháng và kế hoạch chuyển tiền ứng nghiệm thu khối lượng trong năm.
2. Đầu tư thêm phương tiện chuyên dùng phục vụ vận chuyển rác: Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐQT ngày 17/8/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc phê duyệt phương án đầu tư mua xe vận chuyển chuyên dụng phục vụ hoạt động SXKD (giai đoạn 2016-2021); Công ty xây dựng kế hoạch đầu tư mua sắm 07 chiếc xe chuyên dùng chở rác và 01 xe nâng người làm việc trên cao, trong đó:
 - Trong năm 2017 Công ty đã tập trung đầu tư mới 01 xe nâng người làm việc trên cao và 03 xe vận chuyển rác thải có trọng tải từ 7 tấn đến 11 tấn với tổng giá trị là 07 tỷ đồng và được đầu tư từ nguồn vốn khấu hao hàng năm và vốn vay từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, Quỹ cho doanh nghiệp vay 3,7 tỷ đồng, lãi suất ưu đãi ổn định trong vòng 4 năm là 2,6%/năm .
 - Việc bổ sung phương tiện và sửa chữa kịp thời các phương tiện vận chuyển, trong năm vừa qua Công ty đã thu gom vận chuyển lượng rác trên địa bàn Thành phố Phan Thiết về bãi rác Bình Tú theo đúng thỏa ước trong hợp đồng Dịch vụ công ích với UBND Thành phố Phan Thiết.
3. Công ty thực hiện mở rộng nhà để xe theo như phương án đã được Hội đồng quản trị thông qua, toàn bộ phương tiện được tập trung bảo quản, tu sửa thường xuyên, kéo dài tuổi thọ của xe vận chuyển đảm bảo phương tiện phục vụ sản xuất kinh doanh.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016(*)	Năm 2017	% tăng/ giảm
1	Tổng tài sản	91.538	99.234	8,41%
2	Doanh thu thuần	73.865	74.001	0,18%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.160	2.988	-28,18%
4	Lợi nhuận khác	(151)	1	-
5	Lợi nhuận trước thuế	4.009	2.989	-25,44%
6	Lợi nhuận sau thuế	3.172	2.358	-25,64%

(*): Số liệu năm 2016 được tổng hợp từ 2 giai đoạn: 01/01/2016 đến 30/04/2016 là Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Phan Thiết và 01/05/2016 đến 31/12/2016 là CTCP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận. Số liệu chỉ mang tính chất so sánh tương đối.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016(*)	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,25	1,28
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,24	1,26
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	68,19%	69,80%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	214,42%	231,11%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	74,24	64,60
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,81	0,78
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,29%	3,19%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	10,89%	7,98%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	3,46%	2,47%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	5,63%	4,04%

(*): Số liệu năm 2016 được tổng hợp từ 2 giai đoạn: 01/01/2016 đến 30/04/2016 là Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Phan Thiết và 01/05/2016 đến 31/12/2016 là CTCP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận. Số liệu chỉ mang tính chất so sánh tương đối.



Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 2.753.280 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 2.753.280 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 20/07/2017)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	1.458.400	14.584.000.000	52,97%
II	Cổ đông nội bộ	553.571	5.535.710.000	20,11%
III	Cổ đông trong nước	2.753.280	27.532.800.000	100,00%
1	Cá nhân	784.030	7.840.300.000	28,48%
2	Tổ chức	1.969.250	19.692.500.000	71,52%
III	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-
Tổng cộng		2.753.280	27.532.800.000	100,00%

Danh sách cổ đông lớn (tính đến ngày 20/07/2017)

STT	Tên nhà đầu tư	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	UBND tỉnh Bình Thuận	1.458.400	52,97%
2	Công ty TNHH Nhật Hoàng	368.058	13,37%
3	Lê Quang Huy	431.871	15,69%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

Các chứng khoán khác: Không



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty đặt mục tiêu bảo vệ môi trường lên hàng đầu, luôn tuân thủ theo các quy định nghiêm ngặt về việc giữ gìn và bảo vệ môi trường. Công ty có xây dựng nhà kho để quản lý toàn bộ rác nguy hại từ các hoạt động của doanh nghiệp và hợp đồng với các đơn vị khác để xử lý rác thải theo đúng quy định. Đối với các đơn vị, cơ sở sản xuất vi phạm các quy định về xử lý rác, gây ô nhiễm môi trường, công ty báo cáo cho cấp trên xử lý theo đúng quy định pháp luật.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Các công trình, dịch vụ của công ty luôn được cung cấp, sử dụng đầy đủ nguồn nguyên vật liệu chất lượng, đảm bảo đáp ứng theo từng chỉ tiêu hạng mục công trình.

Tiêu thụ nước:

Các hoạt động trồng và chăm sóc cây xanh công cộng chủ yếu được công ty sử dụng nguồn nước máy chất lượng, tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ nguồn nước ngầm trong môi trường.

Tiêu thụ năng lượng:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực duy tu sửa chữa hệ thống điện công cộng nên luôn tuân thủ theo quy định của Nhà nước về việc khối lượng điện cung cấp cũng như có kế hoạch tiết kiệm tiêu thụ điện nhằm giảm ngân sách cho địa phương.

Chính sách liên quan đến người lao động

Cán bộ nhân viên và người lao động luôn được công ty chú trọng cả về mặt vật chất lẫn tinh thần. Ngoài các chế độ cơ bản cho nhân viên theo quy định của pháp luật như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, nghỉ phép... Công ty còn bồi dưỡng, hỗ trợ cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn, tiền trợ cấp thôi việc, chế độ bảo hộ lao động, bồi dưỡng hiện vật, khám sức khỏe định kỳ, tổ chức tham quan nghỉ dưỡng. Ngoài ra công ty còn lập quỹ khuyến học, hằng năm tổ chức lễ tuyên dương học sinh giỏi là con em người lao động.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động bảo vệ môi trường, kêu gọi người dân chung tay tổng vệ sinh khu phố, bãi biển được công ty thường xuyên phối hợp với UBND phường xã tổ chức. Ngoài ra, công ty còn tham gia các hoạt động tình nguyện mang tính nhân văn cao và đem lại lợi ích chung cho cộng đồng như hưởng ứng Giờ Trái đất, ngày môi trường... ở thành phố Phan Thiết, trao học bổng cho học sinh nghèo vượt khó, trao tặng các phần quà cho các gia đình nghèo tại một số xã trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.



Báo cáo của

Ban Giám đốc





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



NHỮNG THUẬN LỢI

- Là Công ty Cổ phần có vốn nhà nước chiếm 52,97% trên tổng vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực công ích, Công ty được sự quan tâm, chỉ đạo của UBND Tỉnh, UBND thành phố và các phòng chức năng trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho công ty phát triển và mở rộng dịch vụ, sản xuất kinh doanh tại địa phương.
- Thành phố Phan Thiết là trung tâm kinh tế, chính trị, du lịch của tỉnh Bình Thuận là một địa phương quan trọng và có tiềm lực phát triển sâu rộng về kinh tế, chính trị, xã hội. Việc đáp ứng nhu cầu của tiềm năng phát triển đó đòi hỏi sự phát triển cân bằng tổng thể các lĩnh vực của Tỉnh. Qua đó các doanh nghiệp tại tỉnh Bình Thuận nói chung và Công ty nói riêng có cơ hội để phát triển từ sự đầu tư của Tỉnh nhà và các nhà đầu tư từ nơi khác đến.
- Nằm ở địa bàn trung tâm của Tỉnh, là một lợi thế cho Công ty trong việc cung cấp Dịch vụ công ích trong vùng, địa phương. Là nơi đang có sự phát triển về công nghiệp hóa, đặc biệt là trung tâm du lịch của cả nước, nhu cầu bảo vệ giữ gìn vệ sinh môi trường của người dân và doanh nghiệp sản xuất là rất lớn. Đây là tiền đề cho sự phát triển của Công ty.
- Sản phẩm của Công ty là sản phẩm không thể thay thế và hiện chưa có nhiều doanh nghiệp hoạt động cùng ngành trên địa bàn.
- Công ty có kinh nghiệm nhiều năm và là đơn vị đã hoạt động lâu dài tại địa phương, Công ty đảm bảo nguồn cung đầu vào và nguồn cầu đầu ra cho dịch vụ công ích ổn định.
- Trong năm Công ty được Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam cho vay ưu đãi (đợt 1) đầu tư 03 xe chuyên dùng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với mức lãi suất ưu đãi ổn định trong vòng 4 năm là 2,6%/năm.

NHỮNG KHÓ KHĂN VƯỚNG MẮC

- Trong lĩnh vực dịch vụ công ích, hiện nay đang gặp khó khăn khi Hoạt động cung cấp Dịch vụ công ích không còn là độc quyền đối với Công ty. Công ty phải làm quen với việc đối mặt với áp lực cạnh tranh từ các doanh nghiệp khác.
- Giá cả nguyên vật liệu không ổn định sự biến động thị trường đẩy chi phí đầu vào tăng cao, nhất là giá xăng dầu. Việc giá xăng dầu có xu hướng tăng trong thời gian vừa qua kéo theo chi phí đầu vào của công ty tăng.
- Định mức, đơn giá đặt hàng của Công ty trong khi các Sở ngành xây dựng định mức quá thấp (đặc biệt trên lĩnh vực công viên cây xanh) đã ảnh hưởng đến tình hình điều hành hoạt động của Doanh nghiệp.
- Do đô thị hóa ở thành phố Phan Thiết vẫn trong giai đoạn phát triển nên lượng rác trong dân còn rất lớn, ảnh hưởng đến công tác thu gom vận chuyển. Bên cạnh đó, một số bộ phận người dân vẫn có xu hướng tự đem rác ra đổ ở những nơi công cộng. Ý thức của một bộ phận nhân dân còn hạn chế trong việc giữ gìn vệ sinh công cộng và các công trình hạ tầng đô thị.
- Các phương tiện chuyên dùng như xe vận tải, xe ép rác, thuyền vớt rác ... vừa thiếu, vừa xuống cấp do đầu tư đã lâu, trong những tháng đầu năm Công ty gặp nhiều khó khăn trong khâu thu gom, vận chuyển rác thải.
- UBND Thành phố cấp tạm ứng kinh phí hoạt động hàng tháng chưa đầy đủ và kịp thời; công tác thanh quyết toán giá trị sản lượng dịch vụ công ích và các hoạt động dịch vụ khác với UBND Thành phố Phan Thiết còn triển khai quá chậm, ảnh hưởng đến công tác quyết toán bàn giao vốn và tài sản từ Công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần (đến thời điểm đầu tháng 4/2018 UBND Thành phố đã quyết toán xong các hoạt động dịch vụ công ích, Công ty đang hoàn tất các thủ tục quyết toán để UBND Tỉnh có ý kiến trước khi thực hiện bàn giao vốn), kéo theo sự chậm trễ trong việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	% Thực hiện/ Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	73.535	74.420	101,20%
-	Doanh thu hoạt động kinh doanh	73.485	74.001	100,70%
-	Doanh thu hoạt động khác	50	419	838,00%
2	Tổng chi phí	70.644	71.431	101,11%
-	Chi phí hoạt động kinh doanh	70.205	71.243	101,48%
	Chi phí tài chính	-	96	-
-	Chi phí hoạt động khác	439	92	20,96%
3	Lợi nhuận trước thuế	2.892	2.989	103,35%
-	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	3.281	2.988	91,07%
-	Lợi nhuận hoạt động khác	-389	1	-
4	Lợi nhuận sau thuế	2.313	2.358	101,95%





Công tác điều hành triển khai hoạt động SXKD

Triển khai dự án đầu tư mua sắm xe chuyên dùng (lần 1) tiết kiệm, hiệu quả đảm bảo vận chuyển rác thải, đồng thời duy tu hệ thống chiếu sáng đô thị, xử lý cây xanh trên địa bàn Thành phố Phan Thiết theo hợp đồng dịch vụ công ích với chủ đầu tư; xây dựng và mở rộng nhà để xe theo như phương án đã được Hội đồng quản trị thông qua, duy tu sửa chữa phương tiện thường xuyên kịp thời, nâng cao tính năng sử dụng của các phương tiện đảm bảo phục vụ sản xuất kinh doanh.

Công ty từng bước hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp thích ứng với môi trường phát triển hoạt động mới, nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, đổi mới phương thức quản lý, khuyến khích tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công ích đẩy mạnh hoạt động kinh doanh dịch vụ khác, tập trung phát triển doanh thu hoạt động xây dựng cơ bản, tăng cường áp dụng các phương án khoán mang lại hiệu quả ở một số lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Tích cực đối chiếu và thu hồi công nợ. Năm 2017, thu hồi nợ đạt 203,5% tương ứng với số tiền 8,6 tỷ đồng, vượt 103,5% so với kế hoạch. Công ty làm việc với các cấp, ngành và UBND Thành phố Phan Thiết để được cấp kinh phí duy trì hoạt động SXKD, cân đối về tài chính để thanh toán nhiên liệu, chi trả lương, thưởng và các chế độ cho người lao động, đóng BHXH, thất nghiệp, y tế, kinh phí công đoàn, nộp thuế và các khoản chi phí khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017, Công ty đã phấn đấu đạt tổng doanh thu, tổng chi phí và lợi nhuận trước và sau thuế hoàn thành tốt kế hoạch do ĐHCĐ đề ra. Đây là thành quả của sự phấn đấu liên tục, xuyên suốt trong năm của toàn thể Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên của Công ty.

Về Công tác nhân sự

Đời số và thu nhập bình quân người lao động trong Công ty ngày một ổn định, thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho người lao động đúng quy chế lương thưởng của Hội đồng quản trị ban hành, đảm bảo trả lương cho người lao động trước ngày 10 hàng tháng, chính sách tiền lương, tiền thưởng tạo động lực cho người lao động nâng cao năng suất lao động, yên tâm công tác.

Nâng cao năng lực quản lý kinh doanh, đổi mới phương thức quản lý, xây dựng bộ máy quản lý ngày càng chuyên nghiệp, ngang tầm với từng bước phát triển của Công ty.

Tăng cường, khuyến khích các hình thức tập huấn đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề, kỹ năng làm việc nhằm đáp ứng yêu cầu về nguồn lực phát triển của Doanh nghiệp.

Về quyết toán sản lượng dịch vụ với chủ đầu tư

Công ty tích cực đẩy nhanh tiến độ quyết toán giá trị sản lượng dịch vụ công ích đô thị với UBND Thành phố Phan Thiết để thực hiện công tác quyết toán bàn giao vốn và tài sản từ Công ty Nhà nước sang Công ty CP, đồng thời triển khai Đại hội đồng cổ đông thường niên đúng theo quy định, đảm bảo chi trả cổ tức đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

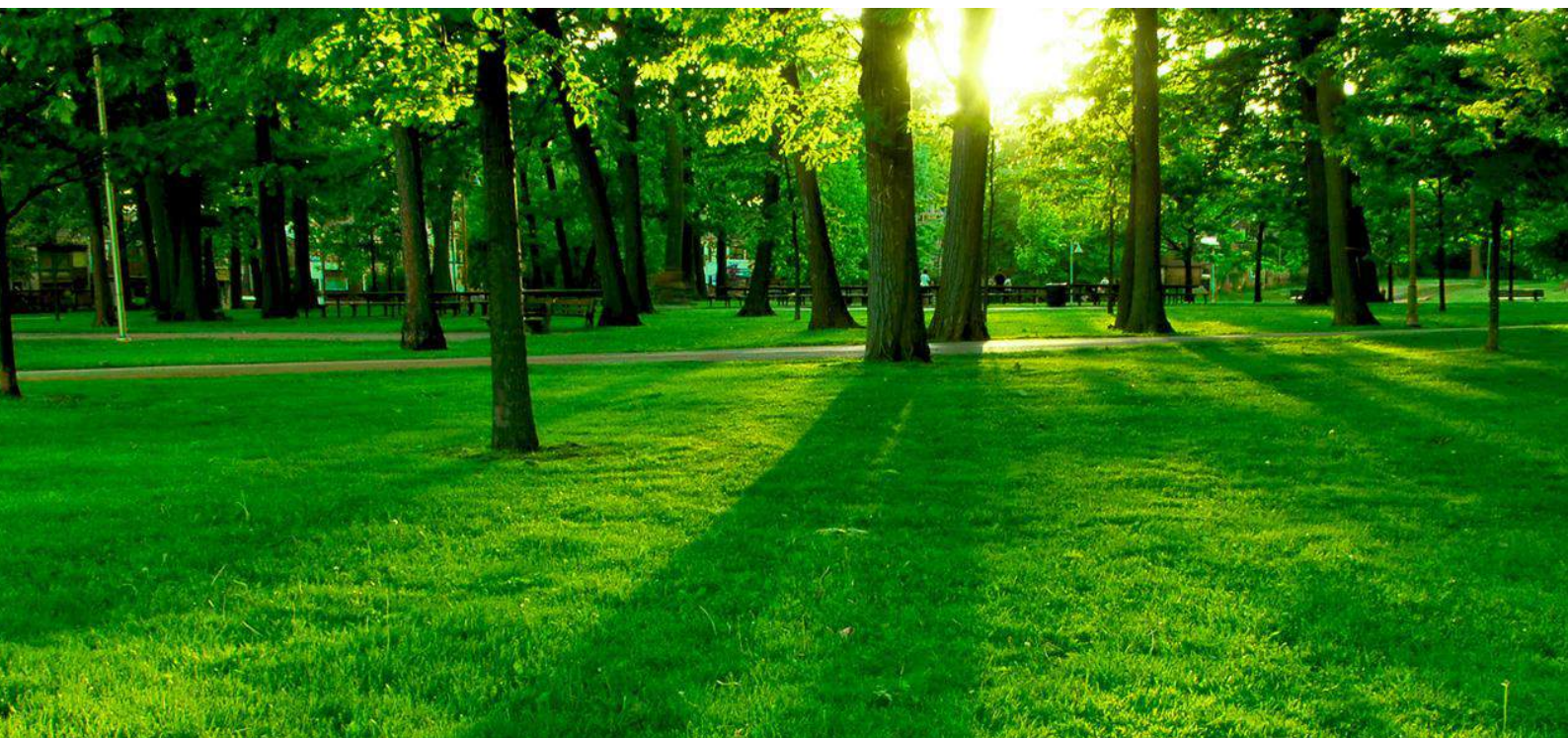
ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	%tăng/ giảm	Tỷ trọng năm 2016	Tỷ trọng năm 2017
Tài sản ngắn hạn	77.917	84.985	9,07%	85,12%	85,64%
Tài sản dài hạn	13.622	14.249	4,61%	14,88%	14,36%
Tổng tài sản	91.538	99.234	8,41%	100%	100%

Năm 2017, tổng tài sản Công ty tăng 8,41% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 9,07%, tài sản dài hạn tăng 4,61%. Tuy nhiên, cơ cấu tài sản không có sự thay đổi đáng kể, chủ yếu là tài sản dài hạn, với tỷ trọng chiếm khoảng 85%.

Cơ cấu tài sản ngắn hạn: chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu là hai khoản mục các khoản phải thu ngắn hạn và tiền và tương đương tiền. Trong đó, Khoản tăng của các khoản phải thu chủ yếu đến từ UBND Thành phố Phan Thiết.

Cơ cấu tài sản dài hạn: Tài sản dài hạn của Công ty chỉ bao gồm 2 khoản mục là tài sản cố định và tài sản dài hạn khác. Chủ yếu trong năm 2017, việc tài sản dài hạn tăng 4,61% đến từ việc Công ty thực hiện đầu tư, mua sắm thêm các phương tiện vận tải, nhằm tăng năng suất hoạt động kinh doanh và thay thế các phương tiện đã quá cũ, thường xuyên hư hỏng, gần hết hạn lưu hành.





Tình hình nợ phải trả

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	%tăng giảm	Tỷ trọng năm 2016	Tỷ trọng năm 2017
Nợ ngắn hạn	62.420	66.524	6,58%	99,99%	96,04%
Nợ dài hạn	5	2.740	54700,00%	0,01%	3,96%
Tổng nợ phải trả	62.425	69.264	10,96%	100%	100%

Tổng nợ của Công ty trong năm tăng 10,96%, từ 62,43 tỷ đồng lên 69,26 tỷ đồng. Trong đó, đóng góp chủ yếu vào mức tăng là khoản phải trả người lao động cũng như các khoản vay ngắn và dài hạn. Quỹ tiền lương của Công ty được lập theo quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động thương binh xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quy định về lao động tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước. Ngoài ra, các khoản vay ngắn và dài hạn trong năm đều là khoản vay Quỹ bảo vệ môi trường theo Hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường nhằm đầu tư mua xe chuyên dùng.





Về cơ cấu tổ chức

Ban điều hành Công ty đã thực hiện các biện pháp nhằm tạo điều kiện toàn bộ máy nhân sự. Tổ chức đánh giá lại đội ngũ cán bộ quản lý, tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức từ bộ phận quản lý đến các bộ phận trực tiếp theo hướng tinh gọn, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị. Bố trí cán bộ phù hợp chuyên môn nghiệp vụ.

Quá trình nghiên cứu, phát triển sản phẩm và dịch vụ mới

Do tính chất đặc thù của ngành dịch vụ công ích, các công ty trong lĩnh vực này thường bị hạn chế trong danh mục các sản phẩm của mình. Chính vì vậy công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ mới thường bị thu hẹp trong các sản phẩm hiện có, thiếu các sản phẩm tiềm năng, mang tính đột phá cao. Đây sẽ là một thách thức cực kỳ lớn cho công ty sau khi cổ phần hóa, đồng thời cũng là cơ hội để Công ty có thể thay đổi mô hình hoạt động nhằm mở rộng quy mô và lĩnh vực sản xuất, nâng cao hiệu quả cho công ty.





- Đầu tư thêm phương tiện chuyên dùng phục vụ vận chuyển rác về Nhà máy xử lý rác thải Nhật Hoàng: Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐQT ngày 17/8/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc phê duyệt phương án đầu tư mua xe vận chuyển chuyên dụng phục vụ hoạt động SXKD (giai đoạn 2016-2021); Theo phương án giai đoạn đầu tư 2016 - 2021 Công ty xây dựng kế hoạch đầu tư mua sắm 07 chiếc xe chuyên dùng chở rác và 01 xe nâng người làm việc trên cao, trong đó:
 - Giai đoạn từ năm 2016 - 2017 Công ty đã tập trung đầu tư mới 01 xe nâng người làm việc trên cao và 03 xe vận chuyển rác thải có trọng tải từ 7 tấn đến 11 tấn với tổng giá trị là 07 tỷ đồng và được đầu tư từ nguồn vốn khấu hao hàng năm và vốn vay từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, Quỹ cho doanh nghiệp vay 3,7 tỷ đồng, lãi suất ưu đãi ổn định trong vòng 4 năm là 2,6%/năm .
 - Giai đoạn từ năm 2018 - 2021 tập trung đầu tư mới 04 xe vận chuyển rác thải có trọng tải từ 7 tấn đến 11 tấn với giá trị khoảng 10 tỷ đồng để thu gom vận chuyển rác về nhà máy xử lý rác Phan Thiết.
 - Theo kế hoạch của UBND Tỉnh thì trong tháng 06/2018 nhà máy xử lý rác thải Phan Thiết do Công ty TNHH Nhật Hoàng làm chủ đầu tư sẽ đi vào hoạt động, theo đó Công ty sẽ thực hiện việc vận chuyển rác thải trên địa bàn Thành phố về nhà máy để xử lý.

Như vậy với khối lượng rác thải như hiện nay Công ty còn thiếu 04 xe vận chuyển rác mới đảm bảo vận chuyển được về nhà máy xử lý, việc đầu tư Công ty dự kiến triển khai trong năm 2018 để đảm bảo thu gom rác theo đúng Hợp đồng Dịch vụ công ích đã ký kết.
- Củng cố năng lực, nghiên cứu phương án SXKD hiệu quả nhất để tham gia đấu thầu một số lĩnh vực Dịch vụ công ích các huyện lân cận (đã có chủ trương của UBND Tỉnh) và trên địa bàn Thành phố Phan Thiết từ năm 2019, các công trình XD/CB trong điều kiện đáp ứng đủ khả năng tài chính của Doanh nghiệp.
- Tiếp tục đẩy nhanh tốc độ thu hồi nợ giai đoạn 2017 - 2020 theo đúng kế hoạch đã được duyệt.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

ĐVT:triệu đồng

STT	Lĩnh vực hoạt động	Doanh thu	Tổng LN sau thuế	Ghi chú
1	Doanh thu hoạt động công ích	63.998	1.800	
2	Doanh thu chăm sóc Cây xanh 706B	5.600	900	
3	Hoạt động khác	1.100	300	
	Tổng cộng	70.698	3.000	



NHỮNG GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TRONG NĂM

- Theo kế hoạch của UBND Tỉnh trong năm 2018 Nhà máy xử lý rác do Công ty TNHH Nhật Hoàng đầu tư sẽ đi vào hoạt động (dự kiến trong tháng 6/2018), do cách xác định khối lượng rác có sự thay đổi so với năm 2017 đã làm doanh thu của Công ty giảm đi tương ứng số tiền là 2.336 triệu đồng, theo đó bãi xử lý rác thải đặt tại Bình Tú đóng cửa, doanh thu xử lý rác giảm 1.179 triệu đồng, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bước đầu bị thu hẹp, doanh thu của 02 hoạt động trên giảm trong năm 2018 dự kiến 3.515 triệu đồng;
- Trên cơ sở chiến lược phát triển Công ty trong 03 năm 2016 - 2018, kết quả thực hiện năm 2017, với sự quyết tâm cao của tập thể người lao động, Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị, Công ty sẽ tập trung xây dựng chiến lược phát triển SXKD năm 2018 bằng các giải pháp thiết thực mở rộng và tổ chức thực hiện có hiệu quả trên lĩnh vực dịch vụ công ích và các dịch vụ khác bảo đảm đạt doanh thu, lợi nhuận; nộp ngân sách, chi trả cổ tức theo kế hoạch đã xây dựng, cụ thể:
 - Tổng hợp và phân tích hiệu quả hoạt động SXKD, rà soát tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, định mức nội bộ cung cấp vật tư nguyên nhiên vật liệu đầy đủ, kịp thời phục vụ cho hoạt động sản xuất, tăng cường công tác quản lý, theo dõi xuất nhập vật tư, tài sản Công ty để phòng chống các hiện tượng tiêu cực xảy ra.
 - Hoàn thành các quyết toán trên lĩnh vực DVCI và ngoài công ích, tranh thủ ý kiến của các Sở, Ngành, UBND Thành phố quan tâm về mặt kinh phí để Công ty tổ chức triển khai hoạt động SXKD điều hành thực hiện các hoạt động đảm bảo kế hoạch chỉ tiêu đã đề ra.
 - Tiếp tục kiến nghị và phối hợp với chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác tổ chức tuyên truyền vận động người dân, đặc biệt là các hộ dân sống ven sông, ven biển, đưa nội dung bảo vệ môi trường hạ tầng kỹ thuật đô thị vào sinh hoạt trong khu phố, thôn, trường học, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong nhân dân.
 - Đầu tư phương tiện đảm bảo phục vụ hoạt động SXKD, tập trung sửa chữa phương tiện, trang bị kịp thời, đầy đủ công cụ, dụng cụ để phục vụ công tác thu gom và vận chuyển rác.
- Phát động phong trào thi đua thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ SXKD trên các lĩnh vực hoạt động công ích và ngoài công ích, đề ra những giải pháp cụ thể để thực hiện. Tích cực mở rộng khai thác các công trình XD CB, củng cố năng lực, thành lập thêm bộ máy xí nghiệp đảm bảo đủ điều kiện tham gia các gói thầu có giá trị dưới 5 tỷ đồng, tiếp tục khai thác, tìm kiếm, tham gia đấu thầu và khai thác các dịch vụ nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận cho đơn vị.
 - Làm tốt công tác giáo dục tư tưởng trong đội ngũ đảng viên, công nhân viên, người lao động, tăng cường đối thoại trực tiếp với người lao động theo đúng quy chế để nắm bắt tâm tư nguyện vọng của người lao động, đảm bảo công tác điều hành đạt hiệu quả cao.
 - Củng cố, kiện toàn nhân sự các phòng nghiệp vụ và Đội sản xuất. Kiên quyết xử lý hành vi vi phạm nội quy lao động. Nâng cao trách nhiệm của bộ phận quản lý, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



Công ty luôn đặt mục tiêu bảo vệ môi trường lên hàng đầu trong quá trình hoạt động của mình. Ngoài việc nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên, áp dụng công nghệ mới, tăng cường công tác giám sát, đề xuất giảm bớt quy trình trong quá trình hoạt động nhằm nâng cao năng suất lao động. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty luôn đề cao việc tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động, khuyến khích cán bộ nhân viên học hỏi, phát triển nghề nghiệp cũng như chăm sóc sức khỏe, vật chất lẫn tinh thần cho nhân viên. Hàng năm Công ty tổ chức khám bệnh theo định kỳ 6 tháng /lần đối với bộ phận môi trường và 01 năm /lần đối với các bộ phận còn lại.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao đối với giá trị con người, thông qua việc giữ vững môi trường xanh, cung cấp dịch vụ chất lượng và nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cho cộng đồng. Phối hợp với địa phương trong các hoạt động liên quan đến môi trường.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN NGOẠI TRÙ

1 Như trình bày tại điểm (*) của Thuyết minh số 13 của Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán, trong tổng chi phí phải trả của Công ty có 25.483.850.696 đồng là khoản trích trước chi phí xây lắp các công trình. Tính trung thực và hợp lý của khoản chi phí trích trước này còn tùy thuộc vào chứng từ gốc thanh toán thực tế sau này.

Giải trình: "Khoản chi phí phải trả ngắn hạn liên quan đến các khoản trích trước giá vốn chi phí công trình của các năm trước, với số tiền trích trước lũy kế tính đến thời điểm 31/12/2017 là 25.483.850.696 đồng. Khoản trích trước này hiện tại chưa có hóa đơn, chứng từ đầy đủ làm cơ sở cho việc quyết toán nội bộ của Công ty, mặt khác các công trình XDCB được sử dụng từ nguồn vốn từ NSNN và chưa được các chủ đầu tư phê duyệt quyết toán do đó các hóa đơn vật tư đang gửi theo hồ sơ để quyết toán với chủ đầu tư nên Công ty chưa có cơ sở để thanh toán chi phí công trình cho các Đội."

2 Công ty đã xây dựng kế hoạch tiền lương và thực hiện trích 37.708.594.606 đồng quỹ lương vào chi phí năm 2017. Tuy nhiên cho đến thời điểm phát hành báo cáo này đại diện phần vốn nhà nước chưa có ý kiến và hội đồng quản trị Công ty cũng chưa phê duyệt quỹ lương này.

Giải trình: "Quỹ tiền lương của Công ty được lập theo quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 01/9/2016 của Bộ lao động thương binh xã hội về việc hướng dẫn hiện quy định về lao động tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty Cổ phần vốn góp chi phối của nhà nước. Trong năm 2017 Công ty đã xây dựng kế hoạch tiền lương và thực hiện trích 37.708.594.606 đồng quỹ lương vào chi phí năm 2017, trong đó số tiền lương đề nghị quyết toán là 34.964.800.000 đồng, số trích lập dự phòng là 2.743.794.606 đồng. Tuy nhiên cho đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính năm 2017, đại diện phần vốn nhà nước 52,97% trên vốn điều lệ chưa có ý kiến (Công ty đã có văn bản đề nghị thống nhất KH tiền lương nhưng các sở ngành không đồng ý với lý do Công ty chưa Quyết toán Dịch vụ công ích năm 2016) và Hội đồng quản trị Công ty cũng chưa có cơ sở để phê duyệt quỹ lương cho người lao động năm 2017."

Báo cáo của
**Hội đồng
quản trị**





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hoạt động giám sát

Hội đồng quản trị thực hiện công tác giám sát Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Chủ tịch HĐQT tham gia đầy đủ các buổi họp giao ban hàng tháng của Ban Giám đốc. Hội đồng quản trị đã nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh hàng tháng và kịp thời kiểm tra chỉ đạo đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ đúng quy định pháp luật, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT đã ban hành.

Kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết, Quyết định HĐQT theo tiến độ triển khai thực hiện, Ban Giám đốc báo cáo kết quả triển khai theo từng nội dung thực hiện cho HĐQT để theo dõi; giám sát cụ thể: Tình hình thực hiện các hoạt động dịch vụ đô thị công ích, kế hoạch đầu tư XD CB, mua sắm tài sản cố định và sửa chữa lớn tài sản cố định và việc thực hiện các định mức đầu tư, kinh tế kỹ thuật, lao động, tiền lương...

Xây dựng kế hoạch và đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, cung cấp thông tin; kiểm soát chi phí và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh đảm bảo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với Kế hoạch tài chính Công ty đã xây dựng

Bước đầu thực hiện việc đánh giá năng suất lao động nhằm nâng cao hiệu quả điều hành. Kiểm tra việc thực hiện các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước.

Mặc dù giá trị dịch vụ công ích chưa được UBND TP Phan Thiết phê duyệt nhưng Ban Giám đốc Công ty đã có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm 2017 để thực hiện kiểm toán BCTC và thực hiện công bố thông tin đúng theo thời gian quy định.

Kết quả giám sát

Hội đồng quản trị bước đầu đánh giá cao về sự nỗ lực của Ban Giám đốc và các phòng, đội của Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm 2017 do ĐHĐCĐ đề ra. Để có được kết quả kinh doanh năm vừa qua là sự cố gắng rất lớn của Ban điều hành và tập thể người lao động toàn Công ty, trên cơ sở tuân thủ nghiêm túc

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2018 là năm doanh nghiệp tiếp tục gặp nhiều khó khăn về vốn và phương tiện vận chuyển, các loại xe chuyên dùng đã quá cũ, giá trị lợi thế thương mại sau 03 năm mới trở thành tiền vốn của doanh nghiệp, việc vay Ngân hàng để đầu tư phương tiện cũng hết sức khó khăn vì tài sản nhà cửa của Doanh nghiệp chưa chính chủ và giá trị còn lại quá thấp. Dù khó khăn nhưng HĐQT Công ty quyết tâm Xây dựng kế hoạch phát triển Công ty theo hướng bền vững, gắn liền lợi ích Công ty với lợi ích người lao động và cổ đông gắn với cộng đồng, chú trọng thực hiện các giải pháp sau:

Tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát chặt chẽ sự điều hành của Ban Giám đốc Công ty, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, đổi mới phương thức quản lý, khuyến khích tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công ích đẩy mạnh hoạt động kinh doanh dịch vụ khác, tập trung phát triển doanh thu hoạt động xây dựng cơ bản, nghiên cứu áp dụng các phương án khoán mang lại hiệu quả ở một số lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Phấn đấu đạt tổng doanh thu, lợi nhuận thực hiện và mức chi trả cổ tức, nộp ngân sách Nhà nước hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.



Tình hình
quản trị
công ty





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Trần Mạnh	Chủ tịch HĐQT	19.000	0,69%
2	Lê Quang Huy	Thành viên HĐQT	431.871	15,69%
3	Mai Hữu Việt	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	2.500	0,09%
4	Trà Thị Thành	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	53.900	1,58%
5	Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	26.000	0,94%



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Trần Mạnh	Chủ tịch	7/7	100%
2	Lê Quang Huy	Thành viên	7/7	100%
3	Mai Hữu Việt	Thành viên	7/7	100%
4	Trà Thị Thành	Thành viên	7/7	100%
5	Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên	7/7	100%

Trong năm, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 01/NQ-HĐQT	18/02/2017	Thông qua 05 nội dung: 1. Phương án mở rộng nhà để xe; 2. Đầu tư trạm trung chuyển ép rác tại Phan Thiết; 3. Thành lập tiểu ban phát triển đầu tư sản xuất kinh doanh trực thuộc HĐQT; 4. Phân phối lợi nhuận 8 tháng năm 2016; 5. Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt Kiểm toán Báo cáo tài chính 2016 cho Công ty.
2	Số 02/NQ-HĐQT	31/05/2017	- Thống nhất phương án thuê xe bồn vận chuyển nước tưới cây xanh gói thầu số 3 dự án duy tu bảo dưỡng cây xanh đường Võ Nguyên Giáp - Thống nhất thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông vào ngày 30/6/2017.
3	Số 03/NQ-ĐHĐCĐ	30/6/2017	Thông qua các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017: 1. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 8 tháng năm 2016; 2. Tờ trình thông qua BCTC kiểm toán năm 2016; 3. Báo cáo của Hội đồng quản trị; 4. Báo cáo của Ban Kiểm soát; 5. Báo cáo KH SXKH năm 2017; 6. Tờ trình mức chia cổ tức năm 2016; 7. Tờ trình lựa chọn đơn vị Kiểm toán BCTC năm 2017; 8. Sau khi UBND Thành phố quyết toán sản lượng DVCI và dịch vụ khác 8 tháng năm 2016 nếu có sự chênh lệch về kết quả kinh doanh; ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xử lý phân phối lợi nhuận đảm bảo lợi ích CĐ và Công ty.
4	Số 04/NQ-ĐHĐCĐ	27/7/2017	Thống nhất ủy quyền cho ông Mai Hữu Việt Giám đốc Công ty CP Môi trường và DVĐT Bình Thuận ký kết toàn bộ các hồ sơ liên quan để thực hiện vay vốn tại Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam.
5	Số 05/NQ-ĐHĐCĐ	29/12/2017	Thông qua 04 nội dung: 1. Điều chỉnh khoản 2, điều 1 của Nghị quyết Số 01/NQ-HĐQT . 2. Trích lập quỹ dự phòng tiền lương theo tỷ lệ không vượt quá 17% quỹ tiền lương của người lao động; 3. Bổ nhiệm thêm 01 chức danh Phó giám đốc Công ty; 4. Chủ trương sáp nhập một số đội để làm cơ sở xây dựng điều lệ và quy chế quản trị Công ty.
6	Số 01/QĐ-HĐQT	18/01/2017	- Quyết định sửa đổi một số điều của quy chế quản lý tài chính Công ty.
7	Số 02/QĐ-HĐQT	23/02/2017	- Quyết định Ban hành hệ thống thang bảng lương phụ cấp lương của Công ty.
8	Số 03/QĐ-HĐQT	17/02/2017	- Quy chế làm việc của Ban Giám đốc Công ty.



9	Số 05/QĐ-HĐQT	14/02/2017	- Phê duyệt KH sử dụng lao động, kế hoạch tiền lương 8 tháng cuối năm 2016 của BDH tại Công ty.
10	Số 06/QĐ-HĐQT	24/02/2017	- Thành lập tiểu ban đầu tư SXKD trực thuộc HĐQT.
11	Số 07/QĐ-HĐQT	24/02/2017	- Thành lập tổ công tác giúp việc tiểu ban đầu tư SXKD trực thuộc HĐQT.
12	Số 08/QĐ-HĐQT	28/04/2017	- Quyết định sửa đổi một số điều của quy chế chi tiêu nội bộ Công ty.
13	Số 09/QĐ-HĐQT	16/06/2017	- Quyết định sửa đổi bổ sung thêm khoản 7, điều 9, trong quy chế chi tiêu nội bộ Công ty.
14	Số 10/QĐ-HĐQT	10/08/2017	- Phê duyệt phương án lắp mái che bảo vệ phương tiện chuyên dùng.
15	Số 11/QĐ-HĐQT	05/09/2017	- Thành lập BTC họp mặt giao lưu các đơn vị BQL CTCC trên đại bàn tỉnh.
16	Số 12/QĐ-HĐQT	19/09/2017	- Lựa chọn đơn vị Kiểm toán BCTC năm 2017.
17	Số 13/QĐ-HĐQT	27/11/2017	- Ban hành Quy chế tuyển dụng lao động của Công ty CP MTĐT Bình Thuận.
18	Số 14/QĐ-HĐQT	19/12/2017	- Thành lập tổ giúp việc HĐQT soạn thảo Điều lệ và Quy chế Quản trị DN.
19	Số 15/QĐ-HĐQT	22/12/2017	- Thành lập HĐ Thi đua khen thưởng.
20	Số 16/QĐ-HĐQT	26/12/2017	- Ban hành Quy chế đề bạt, bổ nhiệm, điều động luân chuyển người quản lý, người lao động tại Công ty.



DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Thị Giác	Trưởng BKS	4.400	0,16%
2	Nguyễn Gia Phước Toại	Thành viên BKS	0	0%
3	Nhâm Anh Tuấn	Thành viên BKS	0	0%

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên để đánh giá kết quả công việc đã thực hiện trong quý.

- Ngày 01/03/2017: Ban kiểm soát họp triển khai kế hoạch công tác năm 2017 và phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Ban kiểm soát; Kiểm tra báo cáo tài chính 8 tháng năm 2016.
- Ngày 28/07/2017: Ban kiểm soát họp triển khai kiểm tra, giám sát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017; xem báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2017; Kiểm tra, giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT, BGD Công ty trong công tác quản lý điều hành phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ngày 05/10/2017: Ban kiểm soát họp thống nhất kế hoạch kiểm tra tình hình thực hiện định mức vật tư, mua sắm hàng hóa, biện pháp tiết kiệm chi phí; Xem xét tiến độ thực hiện các phương án đầu tư của Công ty.
- Ngày 30/12/2017: Ban kiểm soát họp triển khai kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát năm 2018 và triển khai kế hoạch thẩm định báo cáo tài chính năm 2017 và báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành của HĐQT, Ban giám đốc Công ty trong năm 2017, để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

Ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, Ban kiểm soát cũng đã thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu và đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động.





HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

Trong quá trình triển khai thực hiện dưới sự chỉ đạo của các cấp Đảng ủy, HĐQT. Với vai trò Ban Giám đốc người điều hành doanh nghiệp bằng nhiều biện pháp tích cực trong việc tổ chức triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT đã đi vào thực tiễn, tổ chức hoạt động kinh doanh mang lại lợi nhuận, đảm bảo việc làm cho người lao động với thu nhập ổn định, duy trì và bảo toàn vốn và tài sản của Doanh nghiệp nói chung và toàn bộ số vốn góp của cổ đông tham gia tại Doanh nghiệp nói riêng.

Trong quá trình hoạt động, Ban Giám đốc đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

HĐQT, BGĐ đã tổ chức các cuộc họp ban hành các Nghị quyết, các quyết định kịp thời cho hoạt động kinh doanh của Công ty, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong quản lý, điều hành. Các thành viên HĐQT, Ban giám đốc Công ty đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của điều lệ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua.

HĐQT Công ty luôn bám sát các hoạt động của Ban giám đốc, kịp thời đưa ra các định hướng và chỉ đạo nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Trong năm 2017, HĐQT và Ban giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định, đảm bảo lợi ích của Công ty và của Cổ đông; thực hiện các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2017. Trình tự, thủ tục các phiên họp, việc thông qua các quyết định của HĐQT phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Công ty đã hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. HĐQT và Ban giám đốc đã tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý nội bộ; tích cực phối hợp chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh nhằm ứng phó với những biến động của thị trường trong năm 2017; nộp ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động.

HĐQT, BGĐ Công ty cung cấp thông tin đầy đủ, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty phục vụ công tác kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu của BKS.

Trong năm 2017, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát trình Đại hội kế hoạch hoạt động năm 2018 như sau:

Kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty và pháp luật. Giám sát tình hình thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, chỉ thị của Hội đồng quản trị có liên quan đến hoạt động của Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Tiếp tục nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý vốn, vật tư, tài sản của Công ty.

Duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng, Đội trực thuộc Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch và các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật, biện pháp tiết kiệm chi phí.

Thẩm tra báo cáo tài chính năm 2018.



LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Thành viên	Thù lao	Lương	Thưởng
A	Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	172.800.000	1.260.585.592	21.812.000
1	Trần Mạnh	0	388.877.803	4.953.000
2	Lê Quang Huy	43.200.000	0	2.000.000
3	Mai Hữu Việt	43.200.000	330.762.766	4.953.000
4	Trà Thị Thành	43.200.000	294.455.638	4.953.000
5	Lê Thị Thanh Thủy	43.200.000	246.489.384	4.953.000
B	Ban kiểm soát	48.000.000	102.326.615	8.953.000
1	Nguyễn Thị Giác	0	102.326.615	4.953.000
2	Nguyễn Gia Phước Toại	24.000.000	0	2.000.000
3	Nhâm Anh Tuấn	24.000.000	0	2.000.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với Công ty	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	24.300	0,88%	26.000	0,94%	Mua
2	Trà Thị Thành	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	40.000	1,45%	53.900	1,96%	Mua

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Không có giao dịch

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.

**Báo cáo
tài chính
Kiểm toán**





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận theo Quyết định số 2377/QĐ – UBND ngày 27/11/2012 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400861721 ngày 29/04/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 1 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp vào ngày 29/04/2016.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại sàn UPCOM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch chứng khoán BMD theo Quyết định số 415/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 06/06/2017.

Vốn điều lệ: 27.532.800.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2017: 27.532.800.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Số 578 Trần Hưng Đạo, Phường Đức Long, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.
- Điện thoại: (+84) 2523. 819572

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh (Trồng hoa, cây cảnh, chăm sóc công viên và cây xanh công cộng);
- Trồng cây lâu năm khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng (Ươm giống cây lâm nghiệp);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Tái chế phế liệu;
- Xây dựng nhà các loại;



BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp);
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện (Thi công lắp đặt hệ thống điện trung - hạ thế, trạm biến áp, điện chiếu sáng, tín hiệu giao thông);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng (Trang trí nội, ngoại thất công trình);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2017 là 425 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 5 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập các Báo cáo này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Trần Mạnh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 30/03/2016 |
| • Ông Mai Hữu Việt | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30/03/2016 |
| • Bà Trà Thị Thành | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30/03/2016 |
| • Bà Lê Thị Thanh Thủy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30/03/2016 |
| • Ông Lê Quang Huy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21/07/2016 |



BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

- | | | |
|-----------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Giác | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 30/03/2016 |
| • Ông Nhâm Anh Tuấn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30/03/2016 |
| • Ông Nguyễn Gia Phước Toại | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30/03/2016 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|------------------------|----------------|--------------------------|
| • Ông Mai Hữu Việt | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 06/05/2016 |
| • Bà Trà Thị Thành | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 06/05/2016 |
| • Bà Lê Thị Thanh Thùy | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 06/05/2016 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78 – 80 Đường 30 Tháng 4, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Mạnh

Bình Thuận, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Số: 599/2018/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Chủ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 22/03/2018, từ trang 6 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như trình bày tại điểm (*) của Thuyết minh số 13, trong tổng chi phí phải trả của Công ty có 25.483.850.696 đồng là khoản trích trước chi phí xây lắp các công trình. Tính trung thực và hợp lý của khoản chi phí trích trước này còn tùy thuộc vào chứng từ gốc thanh toán thực tế sau này.
2. Công ty đã xây dựng kế hoạch tiền lương và thực hiện trích 37.708.594.606 đồng quỹ lương vào chi phí năm 2017. Tuy nhiên, cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, đại diện phần vốn nhà nước chưa có ý kiến và Hội đồng quản trị công ty cũng chưa phê duyệt quỹ lương này.



Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Như trình bày tại mục 32 của Thuyết minh báo cáo tài chính, số liệu so sánh trình bày trên Báo cáo tài chính đính kèm là số liệu của kỳ kế toán 8 tháng cuối năm 2016. Do không đồng nhất về kỳ kế toán nên số liệu so sánh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là không đảm bảo tính chất so sánh được.


Vấn đề khác

Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận đã chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 29/04/2016. Tuy nhiên, cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, việc bàn giao vốn và tài sản cũng như các số liệu kế toán khác giữa Doanh nghiệp nhà nước và Công ty Cổ phần vẫn chưa được thực hiện.

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác. Tại Báo cáo kiểm toán số 2208/17/BCKT/AUD-VIETVALUES ngày 31/3/2017, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về một số khoản chi phí trích trước 28.539.435.332 đồng chưa có hóa đơn, chứng từ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC




Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2017



Đặng Xuân Lộc – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1324-2018-010-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		84.984.959.076	77.916.552.883
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	14.392.573.745	10.283.366.082
1. Tiền	111		10.340.096.840	7.068.366.082
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.052.476.905	3.215.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		69.578.395.828	66.813.238.215
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	44.580.142.819	39.053.364.221
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		384.000	370.136.640
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	24.997.869.009	27.389.737.354
IV. Hàng tồn kho	140	8	1.013.989.503	811.617.989
1. Hàng tồn kho	141		1.013.989.503	811.617.989
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	8.330.597
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	8.330.597
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.249.050.125	13.621.743.481
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		11.737.298.613	8.899.732.282
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	11.737.298.613	8.899.732.282
- Nguyên giá	222		28.774.671.697	22.201.749.879
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.037.373.084)	(13.302.017.597)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.511.751.512	4.722.011.199
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.511.751.512	4.722.011.199
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		99.234.009.201	91.538.296.364



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		69.263.669.643	62.424.513.381
I. Nợ ngắn hạn	310		66.523.669.643	62.419.513.381
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	2.472.316.509	1.707.335.090
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	484.305.703
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	4.098.357.572	4.237.055.151
4. Phải trả người lao động	314	13	26.473.697.166	19.063.645.711
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	25.770.054.890	29.724.561.547
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	3.348.454.708	3.726.350.102
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16.a	960.000.000	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.400.788.798	3.476.260.077
II. Nợ dài hạn	330		2.740.000.000	5.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	5.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16.b	2.740.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.970.339.558	29.113.782.983
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	29.970.339.558	29.113.782.983
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	27.532.800.000	27.532.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.532.800.000	27.532.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		79.049.162	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17	2.358.490.396	1.580.982.983
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	17	-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	17	2.358.490.396	1.580.982.983
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		99.234.009.201	91.538.296.364



Giám đốc

Mai Hữu Việt

Bình Thuận, ngày 22 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thủy

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Phương



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Từ ngày
				01/05/2016 đến 31/12/2016 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	19	74.000.957.897	48.952.675.758
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		74.000.957.897	48.952.675.758
4. Giá vốn hàng bán	11	20	58.967.296.998	39.408.327.703
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>15.033.660.899</u>	<u>9.544.348.055</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	325.782.547	101.466.180
7. Chi phí tài chính	22	22	95.633.434	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.655.834	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	12.276.115.715	7.475.981.015
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>2.987.694.297</u>	<u>2.169.833.220</u>
11. Thu nhập khác	31	23	92.853.722	37.751.868
12. Chi phí khác	32	24	91.548.019	187.585.088
13. Lợi nhuận khác	40		<u>1.305.703</u>	<u>(149.833.220)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	25	<u>2.989.000.000</u>	<u>2.020.000.000</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	630.509.604	439.017.017
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>2.358.490.396</u>	<u>1.580.982.983</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	857	429
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	26	857	429



Giám đốc

Mai Hữu Việt

Bình Thuận, ngày 22 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thủy

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Phương



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm 2017 VND	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
	số	minh		
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		71.253.833.875	41.435.546.306
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(30.857.670.397)	(14.253.119.276)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(26.775.943.293)	(19.006.731.733)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	15,22	(9.380.278)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	12	(439.017.017)	(1.653.525.798)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.927.996.257	2.463.060.047
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(13.380.920.142)	(21.354.185.897)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.718.899.005	(12.368.956.351)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(6.591.497.273)	(113.868.127)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		92.832.272	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19	290.285.659	68.529.735
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.208.379.342)	(45.338.392)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	16	3.700.000.000	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	17	(1.101.312.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.598.688.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		4.109.207.663	(12.414.294.743)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.283.366.082	22.697.660.825
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		14.392.573.745	10.283.366.082



Giám đốc

Mai Hữu Việt

Bình Thuận, ngày 22 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thủy

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Phương



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận theo Quyết định số 2377/QĐ – UBND ngày 27/11/2012 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400861721 ngày 29/04/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 1 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp vào ngày 29/04/2016.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh (Trồng hoa, cây cảnh, chăm sóc công viên và cây xanh công cộng);
- Trồng cây lâu năm khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng (Uơm giống cây lâm nghiệp);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại;
- Tái chế phế liệu;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp);
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện (Thi công lắp đặt hệ thống điện trung - hạ thế, trạm biến áp, điện chiếu sáng, tín hiệu giao thông);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng (Trang trí nội, ngoại thất công trình);



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Theo hướng dẫn của Thông tư 200, ảnh hưởng do thay đổi các chính sách kế toán được Công ty áp dụng phi hồi tố.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

thẻ, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc, thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải	8 – 10
Tài sản cố định khác	10



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 36 tháng.

4.6 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.7 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phân ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông góp vốn theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu hợp đồng xây dựng
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành;
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.12 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.15 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, dịch vụ chăm sóc cây xanh đường phố, dịch vụ chiếu sáng công cộng, tín hiệu giao thông ... (thuộc mảng dịch vụ công ích): không chịu thuế;
 - ✓ Dịch vụ bán cây xanh: Áp dụng thuế suất 5%
 - ✓ Dịch vụ vệ sinh thuộc mảng dịch vụ công ích, dịch vụ xây dựng công trình; dịch vụ trang trí công trình, các dịch vụ ngoài công ích khác: Áp dụng thuế suất 10%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt	13.258.401	76.592.167
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.326.838.439	6.991.773.915
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	4.052.476.905	3.215.000.000
Cộng	<u>14.392.573.745</u>	<u>10.283.366.082</u>

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
Phòng tài chính kế hoạch thành phố Phan Thiết	40.760.398.694	32.407.936.054
Các đối tượng khác	3.819.744.125	6.645.428.167
Cộng	<u>44.580.142.819</u>	<u>39.053.364.221</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	22.981.983.869	-	26.375.847.471	-
Lãi dự thu	48.633.333	-	13.136.445	-
Phải thu khác	1.967.251.807	-	1.000.753.438	-
Cộng	24.997.869.009	-	27.389.737.354	-

8. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	961.989.503	-	753.793.989	-
Công cụ, dụng cụ	52.000.000	-	57.824.000	-
Cộng	1.013.989.503	-	811.617.989	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2017.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2017.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	6.145.765.175	120.069.000	15.824.379.340	111.536.364	22.201.749.879
Mua sắm trong kỳ	416.424.545	-	6.591.497.273	-	7.007.921.818
Thanh lý, nhượng bán	-	-	435.000.000	-	435.000.000
Số cuối kỳ	6.562.189.720	120.069.000	21.980.876.613	111.536.364	28.774.671.697
Khấu hao					
Số đầu kỳ	2.981.430.027	34.345.066	10.229.544.853	56.697.651	13.302.017.597
Khấu hao trong kỳ	576.340.051	13.502.614	3.569.359.186	11.153.636	4.170.355.487
Thanh lý, nhượng bán	-	-	435.000.000	-	435.000.000
Số cuối kỳ	3.557.770.078	47.847.680	13.363.904.039	67.851.287	17.037.373.084
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	3.164.335.148	85.723.934	5.594.834.487	54.838.713	8.899.732.282
Số cuối kỳ	3.004.419.642	72.221.320	8.616.972.574	43.685.077	11.737.298.613

- Không có TSCĐ hữu hình đem đi thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2017.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 11.093.809.340 đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Lợi thế thương mại	2.314.051.268	4.462.813.159
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	197.700.244	259.198.040
Cộng	2.511.751.512	4.722.011.199

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty Cổ phần Hải Uyên	207.146.101	-
Công ty Điện tử Viễn thông Ánh Sáng Việt	200.415.105	156.475.000
Công ty TNHH Xây dựng Thiên Phát	507.928.393	-
Nguyễn Văn Hùng (Gara xe Văn Hùng)	610.090.000	175.713.000
Công ty Cổ Phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	278.807.560	204.644.000
Các đối tượng khác	667.929.350	1.170.503.090
Cộng	2.472.316.509	1.707.335.090

12. Thuế và các khoản phải trả nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	3.919.083.255	3.082.816.530	3.431.213.802	-	3.570.685.983
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	151.346.927	630.509.604	439.017.017	-	342.839.514
Thuế thu nhập cá nhân	-	28.259.344	81.334.009	63.126.903	-	46.466.450
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	8.330.597	-	146.576.700	138.246.103	-	-
Các loại thuế khác	-	138.365.625	3.000.000	3.000.000	-	138.365.625
Phí và lệ phí	-	-	116.500.993	116.500.993	-	-
Cộng	8.330.597	4.237.055.151	4.060.737.836	4.191.104.818	-	4.098.357.572

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo Quyết định của Cơ quan thuế.

13. Phải trả người lao động

	Số đầu kỳ	Quỹ tiền lương năm 2017	Quỹ lương đã chi trả	Số cuối kỳ
Phải trả người lao động	19.063.645.711	37.708.594.606	30.298.543.151	26.473.697.166
Cộng	19.063.645.711	37.708.594.606	30.298.543.151	26.473.697.166



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quỹ tiền lương của Công ty được lập theo quy định tại thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động thương binh xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quy định về lao động tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước. Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, đại diện phần vốn nhà nước chưa có ý kiến và Hội đồng quản trị công ty cũng chưa phê duyệt quỹ lương này.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Trích trước chi phí Công trình (*)	25.483.850.696	26.986.842.431
Trích trước chi phí lãi vay	4.275.556	-
Các khoản trích trước khác	281.928.638	2.737.719.116
Cộng	25.770.054.890	29.724.561.547

(*) Các khoản chi phí trích trước Công trình phát sinh từ lâu nhưng chưa được hoàn chứng từ. Các công trình này chủ yếu từ nguồn vốn nhà nước đầu tư, hiện nay đang được các chủ đầu tư lập thủ tục quyết toán.

15. Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Tạm ứng ngân sách Tỉnh	2.524.348.000	2.524.348.000
Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Phan Thiết	562.009.663	562.009.663
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.193.460	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	-
Phải trả khác	254.903.585	639.992.439
Cộng	3.348.454.708	3.726.350.102

16. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn đến hạn trả	-	960.000.000	-	960.000.000
- Quỹ bảo vệ môi trường	-	960.000.000	-	960.000.000
Cộng	-	960.000.000	-	960.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	-	3.700.000.000	-	3.700.000.000
- Quỹ bảo vệ môi trường	-	3.700.000.000	-	3.700.000.000
Cộng	-	3.700.000.000	-	3.700.000.000
<i>Trong đó:</i>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	-			960.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	2.740.000.000

Vay Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường số 10-17/TDTT-QMT/BT ngày 09/10/2017 để đầu tư mua xe vận chuyển chuyên dùng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 – 2021. Theo đó, tổng mức vay là 3.700.000.000 đồng được đảm bảo bằng bảo lãnh của ngân hàng; thời hạn vay là 4 năm kể từ ngày nhận khoản vay đầu tiên; lãi suất vay là 2,6%/năm cố định trong thời gian vay.

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/05/2016	27.532.800.000	-	-	27.532.800.000
Tăng trong kỳ	-	-	1.580.982.983	1.580.982.983
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	27.532.800.000	-	1.580.982.983	29.113.782.983
Số dư tại 01/01/2017	27.532.800.000	-	1.580.982.983	29.113.782.983
Tăng trong kỳ	-	79.049.162	2.358.490.396	2.437.539.558
Giảm trong kỳ	-	-	1.580.982.983	1.580.982.983
Số dư tại 31/12/2017	27.532.800.000	79.049.162	2.358.490.396	29.970.339.558

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017	01/01/2017
Vốn góp của Nhà nước (UBND Tỉnh Bình Thuận)	14.584.000.000	14.584.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	12.948.800.000	12.948.800.000
Cộng	27.532.800.000	27.532.800.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Năm 2017	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	27.532.800.000	27.532.800.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	27.532.800.000	27.532.800.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.101.312.000	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.753.280	2.753.280
- Cổ phiếu phổ thông	2.753.280	2.753.280
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.753.280	2.753.280
- Cổ phiếu phổ thông	2.753.280	2.753.280
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2017	01/01/2017
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	1.580.982.983	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	2.358.490.396	1.580.982.983
Phân phối lợi nhuận	1.580.982.983	-
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	1.580.982.983	-
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	79.049.162	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	400.621.821	-
+ Trả cổ tức	1.101.312.000	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.358.490.396	1.580.982.983

Công ty thực hiện phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2017 và Nghị quyết HĐQT số 01/NQHĐQT ngày 18/12/2017.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

f. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 30/06/2017 đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2016 bằng tiền số tiền 1.101.312.000 đồng.

18. Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2017	01/01/2017
Viện Môi trường và Tài nguyên (Thiết kế xử lý rác)	63.600.000	63.600.000
Võ Văn Nhân	30.000.000	30.000.000
Nguyễn Thị Thanh Phương	33.810.000	33.810.000
Các đối tượng khác	41.843.298	39.443.298
Cộng	169.253.298	166.853.298

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016
Doanh thu dịch vụ công ích	65.042.243.210	41.873.258.598
Doanh thu hợp đồng duy tu bảo dưỡng	5.732.102.670	3.114.074.997
Doanh thu xây dựng cơ bản	143.782.653	2.622.919.720
Doanh thu hoạt động ngoài công ích	1.514.099.629	860.853.572
Trang trí Tết, lễ hội	1.518.623.371	481.568.871
Các khoản doanh thu khác	50.106.364	-
Cộng	74.000.957.897	48.952.675.758

20. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016
Giá vốn dịch vụ công ích	52.728.554.557	33.544.142.329
Giá vốn hoạt động duy tu bảo dưỡng	3.990.400.149	2.579.218.807
Giá vốn hoạt động xây dựng cơ bản	397.985.839	2.533.941.241
Giá vốn hoạt động ngoài công ích	506.769.497	287.881.887
Trang trí Tết, lễ hội	1.335.886.956	463.143.439
Giá vốn khác	7.700.000	-
Cộng	58.967.296.998	39.408.327.703



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016
Lãi tiền gửi ngân hàng	325.782.547	101.466.180
Cộng	325.782.547	101.466.180

22. Chi phí tài chính

	Năm 2017	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016
Chi phí lãi vay	13.655.834	-
Phí bảo lãnh khoản vay	81.977.600	-
Cộng	95.633.434	-

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2017	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016
Chi phí nhân công	6.544.962.318	4.912.204.707
Phân bổ lợi thế thương mại	2.148.761.891	743.802.193
Chi phí khấu hao tài sản cố định	589.842.665	397.555.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.870.542.748	853.014.385
Các khoản khác	1.122.006.093	569.404.034
Cộng	12.276.115.715	7.475.981.015

24. Thu nhập khác

	Năm 2017	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	92.832.272	-
Phế liệu thu hồi	-	27.400.000
Các khoản khác	21.450	10.351.868
Cộng	92.853.722	37.751.868

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Chi phí khác

	Năm 2017	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016
Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm xã hội, phạt hải quan	91.548.019	175.083.764
Các khoản khác	-	12.501.324
Cộng	91.548.019	187.585.088

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.989.000.000	2.020.000.000
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	134.748.019	175.085.088
- Điều chỉnh tăng	134.748.019	175.085.088
+ Tiền phạt chậm nộp thuế GTGT, nộp phạt hải quan	91.548.019	175.085.088
+ Các khoản chi phí khác không được trừ	43.200.000	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	3.123.748.019	2.195.085.088
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	630.509.604	439.017.017
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	624.749.604	439.017.017
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	5.760.000	-

27. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.358.490.396	1.580.982.983
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(400.621.821)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	400.621.821
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.358.490.396	1.180.361.162
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.753.280	2.753.280
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	857	429



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.998.462.579	5.576.398.436
Chi phí nhân công	43.806.324.961	29.687.422.547
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.045.003.106	1.443.016.588
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.596.863.244	8.463.482.159
Chi phí khác bằng tiền	2.782.218.767	1.663.472.916
Cộng	71.228.872.657	46.833.792.646

29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là thực hiện các dịch vụ thu gom, xử lý và tiêu hủy các loại chất thải, chăm sóc và duy trì cảnh quan ... và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

30. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Như trình bày tại thuyết minh số 15, Công ty thực hiện vay vốn dài hạn của Quỹ Bảo vệ Môi trường với lãi suất thấp, cố định là 2,6%/năm, Do đó, Công ty không có rủi ro trọng yếu về biến đổi lãi suất ngoài dự tính.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý và tiêu hủy chất thải, do đó sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá của các yếu tố đầu vào phục vụ cho hoạt động kinh doanh trên. Tuy nhiên, giá cả của các

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

loại nguyên liệu đầu vào này thường ít biến động và ít tồn kho nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các đơn vị sử dụng nguồn từ Ngân sách Nhà nước. Với đặc thù giao dịch thường xuyên trong nhiều năm, thanh toán gối đầu, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cho rằng, Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.472.316.509	-	2.472.316.509
Chi phí phải trả	25.770.054.890	-	25.770.054.890
Vay và nợ thuê tài chính	960.000.000	2.740.000.000	3.700.000.000
Phải trả khác	3.348.454.708	-	3.348.454.708
Cộng	32.550.826.107	2.740.000.000	35.290.826.107

01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.707.335.090	-	1.707.335.090
Chi phí phải trả	29.724.561.547	-	29.724.561.547
Phải trả khác	1.707.335.090	5.000.000	1.712.335.090
Cộng	33.139.231.727	5.000.000	33.144.231.727

Giám đốc cho rằng Công ty hiện không có rủi ro thanh khoản và có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.392.573.745	-	14.392.573.745
Phải thu khách hàng	44.580.142.819	-	44.580.142.819
Phải thu khác	2.015.885.140	-	2.015.885.140
Cộng	60.988.601.704	-	60.988.601.704

01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.283.366.082	-	10.283.366.082
Phải thu khách hàng	39.053.364.221	-	39.053.364.221
Phải thu khác	1.013.889.883	-	1.013.889.883
Cộng	50.350.620.186	-	50.350.620.186



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Thu nhập của thành viên chủ chốt

	Năm 2017	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.314.000.000	1.050.240.000
Thù lao Hội đồng quản trị, kiểm soát viên	220.800.000	147.200.000

32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

33. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán khác.



Giám đốc

Mai Hữu Việt

Bình Thuận, ngày 22 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thủy

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Phương



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

